



THE MATRIX ONE
PREMIUM

BIỂU TƯỢNG ĐẲNG CẤP
VƯỢT THỜI GIAN

The Icon of Timeless Living



THE
LUXE

Nơi

TRÁI TIM

của dòng chảy phát triển

VƯỜN TẦM QUỐC TẾ

Where the heartbeat of
international development pulses

Nơi

BIỂU TƯỢNG

của thủ phủ

PHÍA TÂY THỦ ĐÔ

Where the emblem of the western hub
of the Capital emerges

Nơi

HỘI TỤ

của cộng đồng

TINH ANH BẠC NHẤT

Where the most elite communities converge

NẪM TRONG BỘ SƯU TẬP LANDMARK

—— kiến tạo bởi ——

Nhà phát triển Bất động sản

MIK

G R O U P

Included in the Landmark collection
created by real estate developer MIK Group



THE MATRIX ONE
PREMIUM

LANDMARK

Dòng căn hộ cao cấp nhất
được phát triển bởi MIKGROUP

The most exclusive product line
developed by MIKGROUP

Mang trong mình bộ tiêu chuẩn được thiết kế
riêng biệt, dòng sản phẩm điểm nhấn
“**Landmark**” là phiên bản căn hộ cao cấp nhất
được phát triển bởi **MIK Group**.

Nằm trong bộ sưu tập danh giá “**Landmark**”,
THE MATRIX ONE PREMIUM được “may đo”
từ quá trình nghiên cứu những xu hướng
thời thượng về phong cách sống toàn cầu
kết hợp với mong muốn của tầng lớp tinh hoa
về một không gian sống không chỉ tiện nghi
mà còn xứng tầm đẳng cấp.

Designed to bespoke standards, the signature
“Landmark” series represents the pinnacle of
luxury apartment living by MIKGROUP.

As a standout within this prestigious collection,
THE MATRIX ONE PREMIUM is a meticulously
curated masterpiece-tailored through deep
insights into global lifestyle trends and the
refined aspirations of the elite. It offers not just
a comfortable residence, but a living space
that embodies true distinction and prestige.

Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.



Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.

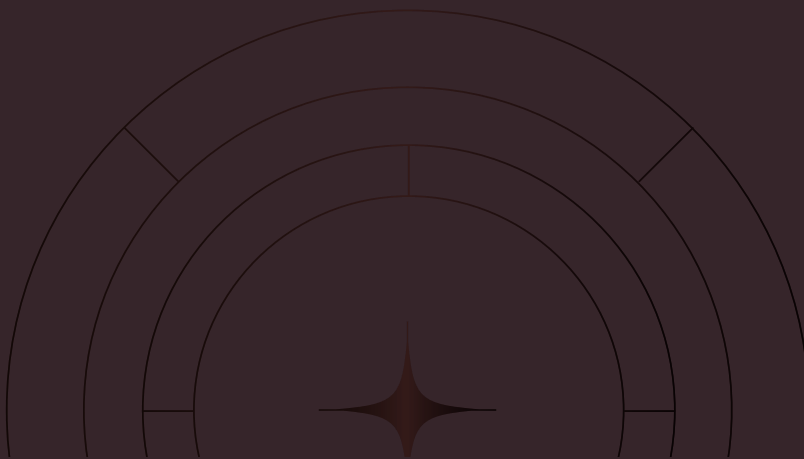


THE MATRIX ONE PREMIUM

Biểu tượng đẳng cấp
VƯỢT THỜI GIAN
The Icon of Timeless Living

Được phát triển từ sự kế thừa và đúc kết tinh hoa trong hành trình kiến tạo cộng đồng sống thịnh vượng của **MIK Group**, **THE MATRIX ONE PREMIUM** mang tới một không gian sống thượng lưu xứng tầm Quốc tế. Tại đây, mọi khía cạnh của trải nghiệm đều được tính toán và chất lọc để những chủ nhân ưu tú tự do tận hưởng cuộc sống tinh hoa đúng nghĩa; mọi khoảnh khắc đều được nâng tầm để trở thành biểu tượng của đẳng cấp vượt thời gian.

Developed as a culmination of MIK Group's legacy in shaping prosperous communities, THE MATRIX ONE PREMIUM introduces a world-class luxury living experience. Every aspect of life here is thoughtfully refined—designed for distinguished residents to fully immerse themselves in a truly elevated lifestyle. Each moment is artfully curated, transforming everyday living into a timeless expression of sophistication and prestige.



THÔNG TIN TỔNG QUAN

OVERVIEW

VỊ TRÍ | Location: Ngã tư giao lộ Mỹ Trì – Lê Quang Đạo,
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
Intersection of Me Tri and Le Quang Dao Streets,
Nam Tu Liem District, Hanoi

TỔNG DIỆN TÍCH
Total Area
15.986 m²

QUY MÔ
Project Scale
02 toà/ building

THE LUXE
44 tầng/ floors

THE ELITE
37 tầng/ floors

CHỦ ĐẦU TƯ
Investor



**ĐƠN VỊ TƯ VẤN
THIẾT KẾ**
Architecture Design
Consultant



LOẠI HÌNH SẢN PHẨM:
Product Type

990 căn hộ cao cấp
luxury apartments

TỔNG SỐ SẢN PHẨM:
Total Products

- ◆ President Penthouse
- ◆ Duplex Penthouse
- ◆ Penthouse
- ◆ Sky Duplex
- ◆ Sky Apartment | Garden Apartment (4BR, 3BR, 2BR, Studio)

ĐƠN VỊ PHÁT TRIỂN
Real Estate Developer



BẢO TRỢ TÀI CHÍNH
Financial Sponsor



Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể khác biệt so với thực tế.
Images are for illustrative purposes only and are not to be taken literally.

TIMELESS LOCATION

Vị trí **ĐỘC TÔN**
Giá trị **TRƯỜNG TỒN**

Unrivalled Location, Enduring Value

THE MATRIX ONE PREMIUM khẳng định vị trí độc tôn xứng tầm biểu tượng, tọa lạc tại góc ngã tư duy nhất trên trục giao lộ cộng đồng Quốc tế đầu tiên tại Thủ Đô, kết nối đến trung tâm Hành chính - Thương mại - Giải trí với hệ thống giao thông đồng độ & tiêu chuẩn bậc nhất.

THE MATRIX ONE PREMIUM affirms its iconic status with an exceptional location—positioned at the only corner intersection along the Capital's first international boulevard. This unique site offers seamless access to the administrative, commercial, and entertainment hubs of Hanoi, supported by a synchronised, world-class transportation infrastructure.





MỀ TRÌ

CHÂU VĂN LIÊM

Tổ hợp 40 HA
ĐẲNG CẤP QUỐC TẾ

WORLD-CLASS 40-HECTARE MEGA-COMPLEX

Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.

Tiên phong kiến tạo phong cách sống thượng lưu
đầy khí chất.
A pioneer in crafting a refined lifestyle of distinctive character.

TIMELUXE LIVING



Ngôn ngữ kiến trúc mang đậm những giá trị duy mỹ
vượt thời gian từ **Nhà kiến tạo không gian sống
hàng đầu Nhật Bản - Azusa Sekkei.**

An architectural language inspired by timeless aesthetic
values, brought to life by Azusa Sekkei - Japan's leading
space design visionary.



DỊCH VỤ ĐẶC QUYỀN CHO GIỚI TINH HOA

“EXCLUSIVE HOSPITALITY EXPERIENCE”



PREMIUM HOME-CARE SERVICE

Dịch vụ dọn dẹp nhà cửa cá nhân hóa, mang đến một không gian sống tận hưởng và thoải mái.

Tailored housekeeping services ensure a pristine, relaxing living space designed for effortless enjoyment.



EXCLUSIVE GREENERY-CARE SERVICE

Dịch vụ chăm sóc cây xanh chuyên nghiệp, duy trì không gian trồng trong lành.

Professional landscape care maintains a fresh, verdant environment throughout the property.



VIP CONCIERGE SERVICE

Ngay từ khoảnh khắc bước vào sảnh đón, đội ngũ nhân viên cùng dịch vụ xe đẩy đặc trưng sẽ mang đến sự thoải mái trọn vẹn cho từng cư dân.

From the very first moment of arrival, residents are welcomed with personalised comfort through signature valet trolley service and a dedicated hospitality team.



ELITE PROPERTY LEASING & MANAGEMENT

Giải pháp quản lý và cho thuê căn hộ cao cấp, đảm bảo sự vận hành chuyên nghiệp.

Premium property management and leasing solutions ensure seamless, professional operation of every residence.



TECHNICAL SUPPORT

Xử lý nhanh chóng các sự cố nhỏ trong căn hộ, đảm bảo mọi thiết bị luôn vận hành ổn định.

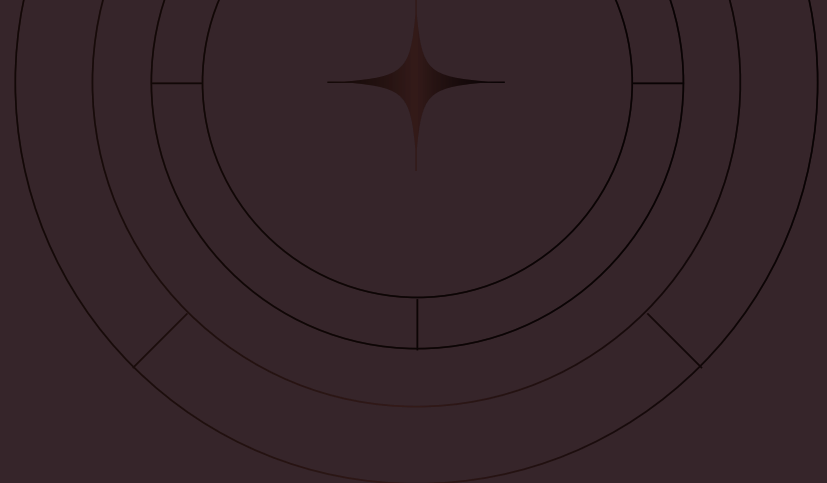
Quickly handle minor problems in the apartment, ensuring that all equipment always operates stably.



PREMIUM FACILITY RESERVATION

Đặt chỗ tiện ích cao cấp: Trải nghiệm trọn vẹn những tiện ích đẳng cấp ngay tại tòa nhà với dịch vụ đặt chỗ nhanh chóng, thuận tiện.

Fully experience high-class facilities in the building with a fast and convenient reservation service.



THE LUXE

Toà tháp điểm nhấn tọa lạc tại vị trí đặc địa trong siêu tổ hợp rộng gần 40 ha. Nơi phong cách sống đẳng cấp bậc nhất được kiến tạo một cách trọn vẹn, mang tới những trải nghiệm độc quyền cho cộng đồng cư dân tinh anh.

The signature tower is strategically positioned within a nearly 40-hectare mega-complex - an address where an elite lifestyle is holistically curated, offering exclusive experiences tailored for a distinguished residential community.



THE LUXE

THÔNG TIN TỔNG QUAN

OVERVIEW

QUY MÔ

Scale

44 tầng/ storeys

SỐ LƯỢNG CĂN HỘ

Number of apartments

720 căn/ units

19 căn/ tầng
units per floor

SỐ LƯỢNG THANG MÁY

Number of elevators

14 thang cư dân
residential elevators

01 thang dịch vụ
service elevator

01 thang khối đế
podium elevator

- ◆ Tầng B1 - B3: Hầm đỗ xe
Floor B1 - B3: Parking Area
- ◆ Tầng 1 - 3: Shop Apartment
Floor 1-3: Shop Apartment
- ◆ Tầng 4 & 24: Tiện ích cư dân
Floor 4&24: Residential Utilities
- ◆ Tầng 5 - 23 & 25 - 42:
Sky Apartment | Garden Apartment
(4BR, 3BR, 2BR, Studio)
Floor 5-23 & 25 - 42: Sky Apartment
| Garden Apartment
- ◆ Tầng 43: President Penthouse
Floor 43: President Penthouse

THE LUXE

ĐẶC QUYỀN SỐNG ĐẲNG CẤP KHÁC BIỆT

A DISTINCTIVE PRIVILEGE
OF ELEVATED LIVING

01

TỔ HỢP TIỆN ÍCH ĐA CHIỀU

A MULTIDIMENSIONAL
ECOSYSTEM OF AMENITIES

02

ĐẠI CÔNG VIÊN THE MATRIX PARK RỘNG 14_{HA}

THE 14-HECTARE THE
MATRIX PARK GRAND
CENTRAL PARK

05

CĂN HỘ HẠNG SANG TÍCH HỢP CÔNG NĂNG SỨC KHỎE

LUXURY RESIDENCES SEAMLESSLY
INTEGRATED WITH WELLNESS-CENTRIC
FEATURES

04

THIẾT KẾ CĂN HỘ TỐI ƯU MANG ĐẾN TẦM VIEW PANORAMA ĐẮT GIÁ

PANORAMIC, HIGH-VALUE
VIEWS ENHANCED BY
OPTIMISED FACADE DESIGN

03

CỘNG ĐỒNG SỐNG TINH HOA - THẾ HỆ CƯ DÂN TOÀN CẦU MỚI

A REFINED COMMUNITY OF
GLOBAL-MINDED RESIDENTS

01 TỔ HỢP TIỆN ÍCH ĐA CHIỀU

A MULTIDIMENSIONAL ECOSYSTEM OF AMENITIES

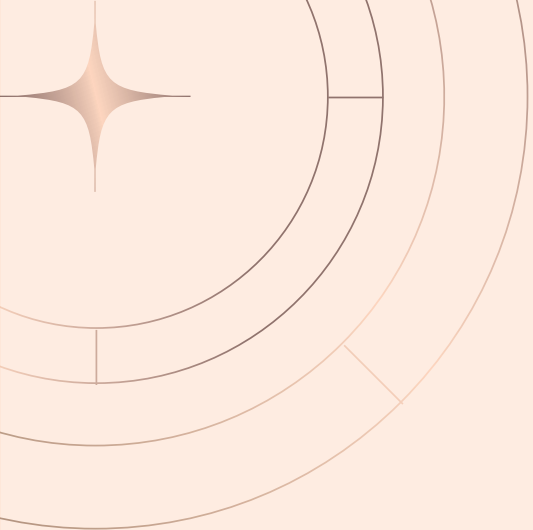
Dẫn lối đa thế hệ cư dân bước vào hành trình tận hưởng cuộc sống viên mãn toàn diện: vườn thiền, dạo bộ, thưởng trà, bi-a, lounge, sân chơi trẻ em,...

Guiding multiple generations of residents into a fulfilling lifestyle journey - featuring a meditation garden, walking paths, tea pavilion, billiards, lounge, children's playground, and more.

- 1 Lối vào Chung cư | Resident's Entrance
- 2 Lối vào Dự án | Landscape Entrance
- 3 Biển tên Dự án | The Matrix Signage
- 4 Lối vào TTTM | Mall Entrance
- 5 Lối vào SAP | SAP Entrance
- 6 Lối xuống hầm | Basement Entrance
- 7 Biển chào TTTM | The Matrix One Mall Sign
- 8 Cửa kiểm soát an ninh | Private Entrance
- 9 Mặt nước cảnh quan | Water Feature
- 10 Chòi nghỉ | Pavilions
- 11 Sân bóng rổ | Basketball Half-court
- 12 Sân chơi trẻ em | Kid Yards
- 13 Vườn mái dốc | Terrace Garden
- 14 Điểm đỗ ô tô | Car Parking
- 15 Điểm đỗ xe (dự kiến) | Parking (proposed)

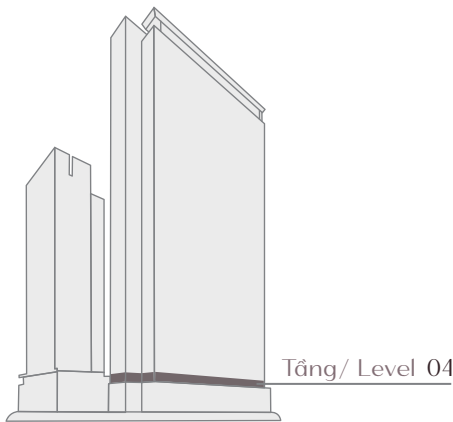
Hình ảnh và thông tin mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

All images and information are for reference only and subject to change without prior notice.



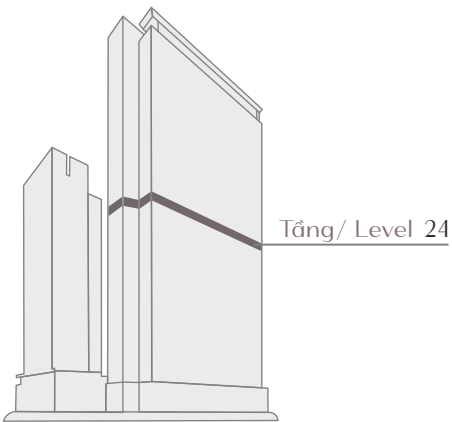
Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.

Toà/ Tower
THE LUXE
Tầng/ Level | 04



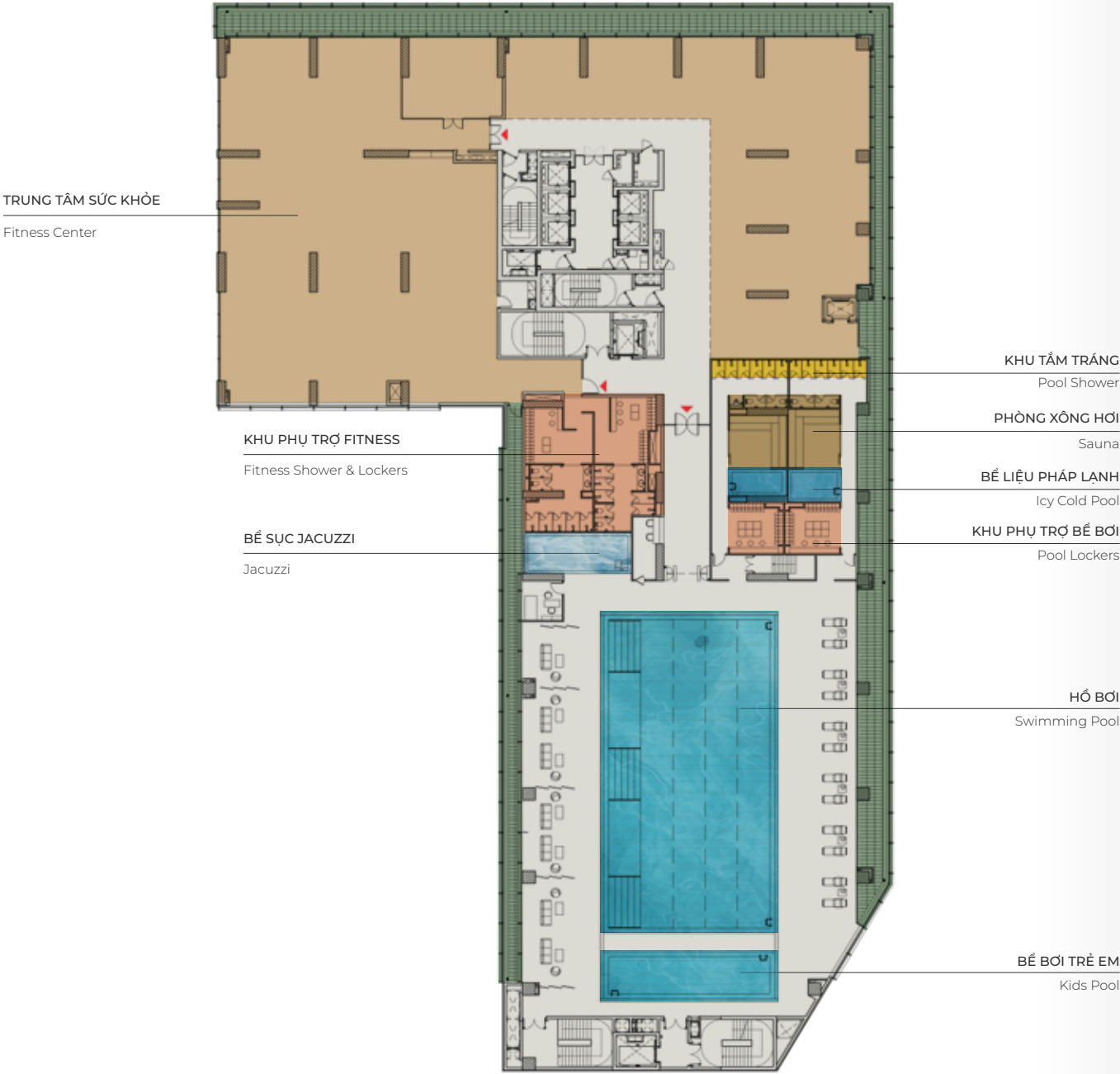
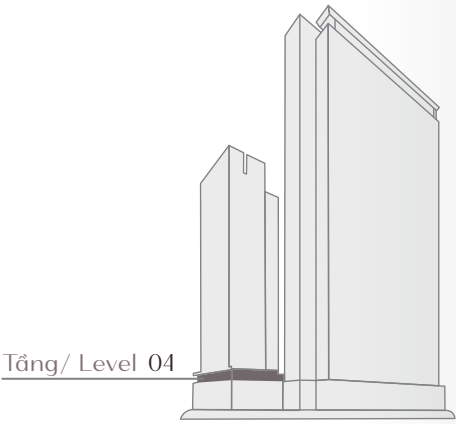
**Hình ảnh và thông tin mang tính chất tham khảo và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images and information are for reference only and are subject to change without notice.*

Toà/ Tower
THE LUXE
Tầng/ Level | 24

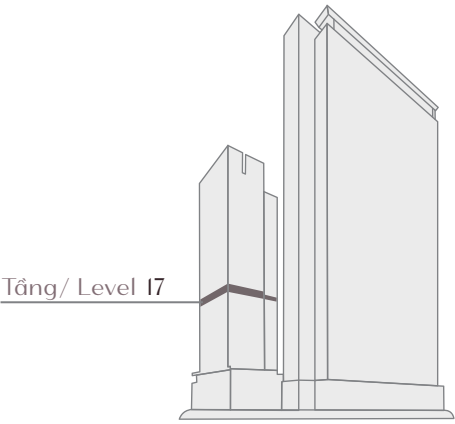


**Hình ảnh và thông tin mang tính chất tham khảo và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images and information are for reference only and are subject to change without notice.*

Toà/ Tower
THE LUXE
Tầng/ Level | 04



Toà/ Tower
THE ELITE
Tầng/ Level | 17



**Hình ảnh và thông tin mang tính chất tham khảo và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images and information are for reference only and are subject to change without notice.*



Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
 Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.

02 ĐẠI CÔNG VIÊN THE MATRIX PARK 14 HA

THE 14-HECTARE THE MATRIX PARK
GRAND CENTRAL PARK

Công viên xanh rộng nhất trung tâm đô thị mới phía
Tây thành phố.
Sắc xanh tươi của cỏ cây kết hợp với sắc xanh lấp lánh
của mặt hồ 2,5 ha mang tới một không gian sống
thanh khiết, mở ra khung cảnh thiên nhiên khoáng đạt.

The largest green park in the heart of the new western urban centre.
A harmonious blend of lush greenery and the shimmering
2.5-hectare lake creates a serene living environment, unveiling a
spacious and rejuvenating natural landscape.



03 Thế hệ CƯ DÂN TOÀN CẦU MỚI

A REFINED COMMUNITY OF
GLOBAL-MINDED RESIDENTS

THE MATRIX ONE PREMIUM mang lại những giá trị đặc quyền dành cho cộng đồng sống tinh hoa - Đại sứ của lối sống văn minh và có “gout” phía Tây Hà Nội. Họ sẽ là cộng đồng tiên phong trong lối sống thượng lưu đỉnh cao, kết hợp với phong cách sống hướng tới chất lượng, tạo nên một cộng đồng phát triển và cởi mở.

THE MATRIX ONE PREMIUM offers exclusive privileges for a refined community - ambassadors of sophistication, taste, and modern living in the western heart of Hanoi. This pioneering circle of residents embraces an elevated lifestyle, seamlessly blending luxury with a deep appreciation for quality living, forming a progressive and open-minded community.





04 | Thiết kế tối ưu cho TẦM VIEW PANORAMA ĐẮT GIÁ

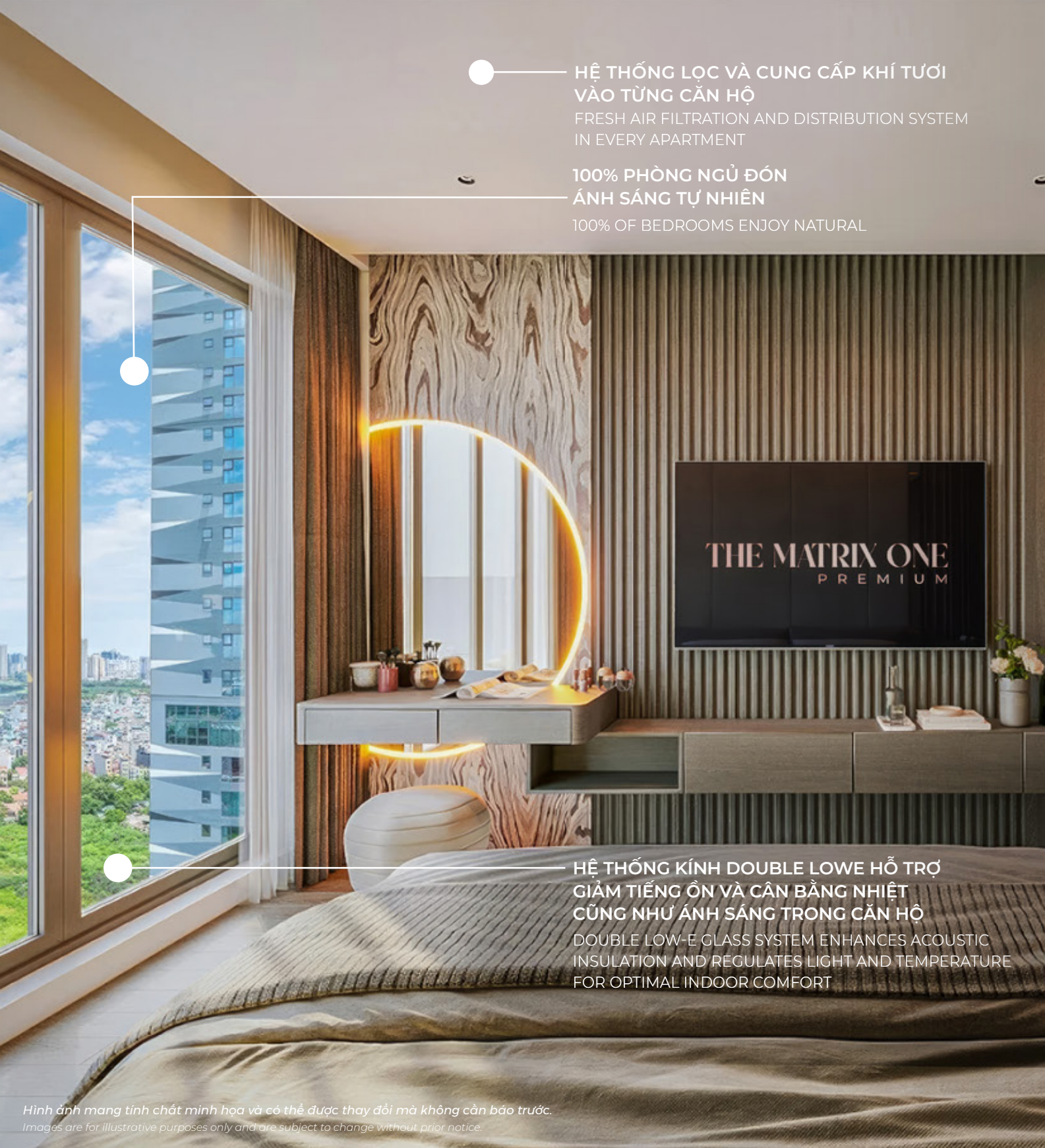
DESIGN OPTIMISED FOR
PRICELESS PANORAMIC

Mặt dựng căn hộ tối ưu mang đến tầm view panorama đắt giá, một ánh nhìn thu trọn thành phố sôi động và thiên nhiên xanh mát. Bên cạnh đó, tiết diện mặt dựng lớn còn mở ra không gian sống ngập tràn ánh sáng tự nhiên và tối ưu đối lưu không khí.

The apartment façades are meticulously designed to maximise panoramic vistas-capturing the vibrant cityscape and the serene embrace of surrounding greenery in a single sweeping glance. Expansive glass surfaces not only frame breathtaking views but also flood the living space with natural light and enhance cross-ventilation, creating a bright, airy, and truly elevated living environment.



Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.



HỆ THỐNG LỌC VÀ CUNG CẤP KHÍ TƯƠI
VÀO TỪNG CĂN HỘ
FRESH AIR FILTRATION AND DISTRIBUTION SYSTEM
IN EVERY APARTMENT

100% PHÒNG NGỦ ĐÓN
ÁNH SÁNG TỰ NHIÊN
100% OF BEDROOMS ENJOY NATURAL

HỆ THỐNG KÍNH DOUBLE LOWE HỖ TRỢ
GIẢM TIẾNG ỒN VÀ CÂN BẰNG NHIỆT
CŨNG NHƯ ÁNH SÁNG TRONG CĂN HỘ
DOUBLE LOW-E GLASS SYSTEM ENHANCES ACOUSTIC
INSULATION AND REGULATES LIGHT AND TEMPERATURE
FOR OPTIMAL INDOOR COMFORT

Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.

05

Căn hộ HẠNG SANG tích hợp CÔNG NĂNG SỨC KHOẺ

LUXURY RESIDENCES SEAMLESSLY INTEGRATED
WITH WELLNESS-CENTRIC FEATURES



MODULE BATHROOM

Khu vực phòng tắm chung chia 03 chức năng
riêng biệt đảm bảo riêng tư
Bathrooms are thoughtfully divided into three separate
functional zones to ensure privacy



PHÒNG TẮM MASTER

Bàn giao thiết bị cao cấp
(WC điện tử liên khối cao cấp)
Delivered with premium fixtures, including
integrated high-end smart toilets

Thiết kế căn hộ được chăm chút tỉ mỉ tới từng chi tiết, nâng tầm trải nghiệm của cư dân. Mỗi đường nét trong không gian sống đều được tính toán kỹ lưỡng, tích hợp cùng giải pháp chăm sóc sức khỏe, để thỏa mãn trọn vẹn trải nghiệm sống như nghỉ dưỡng.

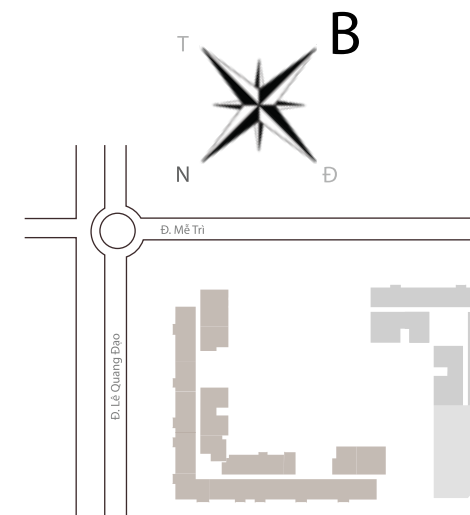
Each apartment is meticulously crafted down to the finest detail, elevating the resident experience. Every element of the living space is carefully considered and seamlessly integrated with wellness-enhancing features—offering a holistic lifestyle akin to resort living.



Hình ảnh mang tính chất minh họa và có thể được thay đổi mà không cần báo trước.
Images are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.



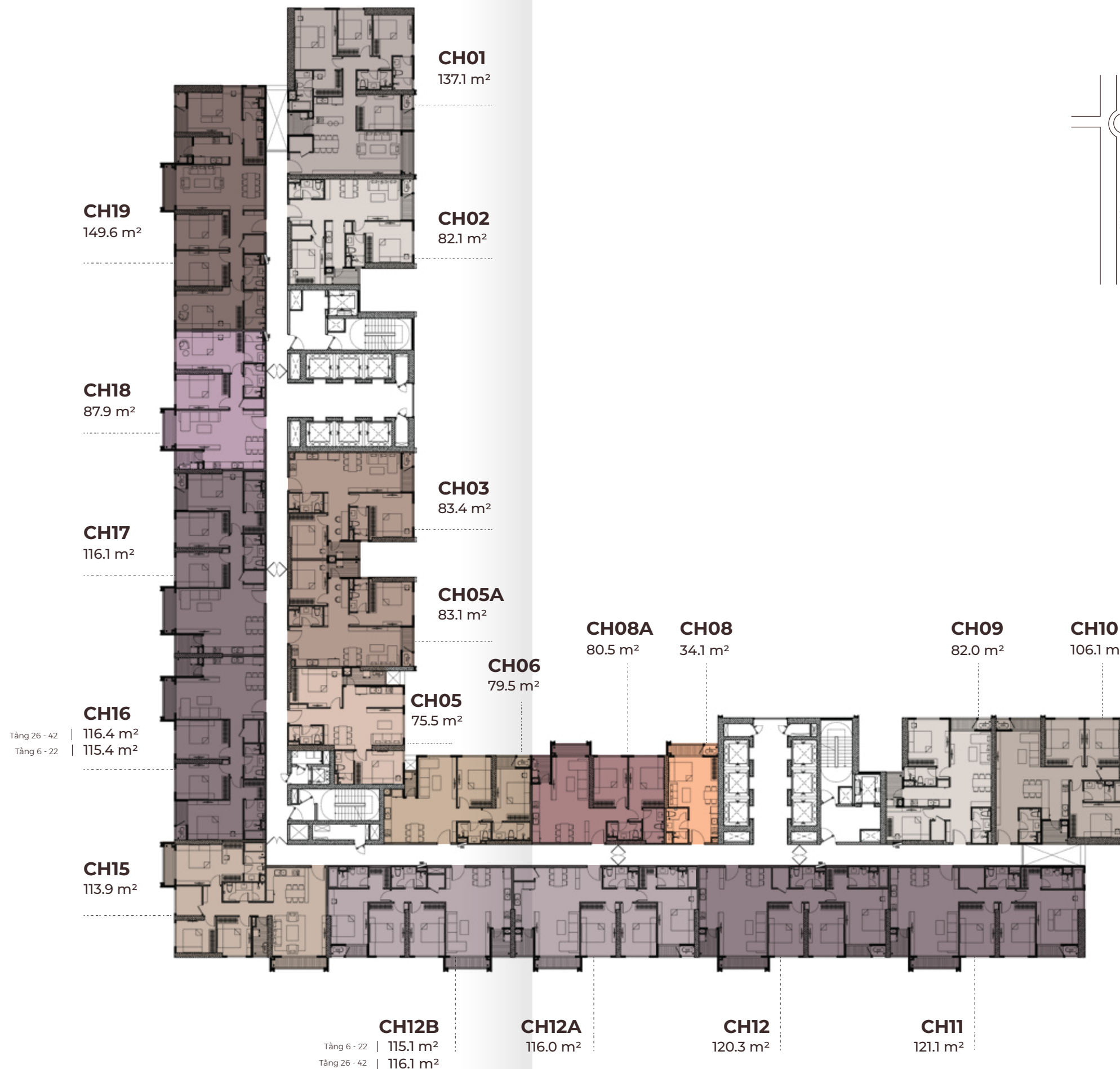
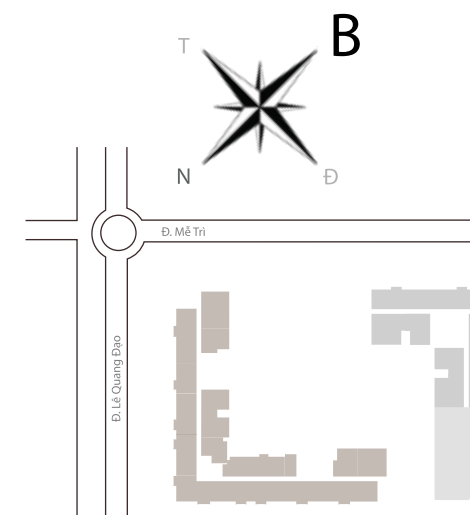
Toà/ Tower
THE LUXE
Tầng/ Level | 5, 23, 25



*Các thông số bản vẽ trong tài liệu này là tương đối, thông số chính thức của từng căn hộ sẽ được quy định tại văn bản cam kết giữa Bên bán và Bên mua.

The specifications in this document are approximate. Please refer to unit contract plan attached with SPA (Sales & Purchase Agreement).

Toà/ Tower
THE LUXE
Tầng/ Level | 6-22, 26-42



*Các thông số bản vẽ trong tài liệu này là tương đối, thông số chính thức của từng căn hộ sẽ được quy định tại văn bản cam kết giữa Bên bán và Bên mua.

The specifications in this document are approximate. Please refer to unit contract plan attached with SPA (Sales & Purchase Agreement).

GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ STUDIO

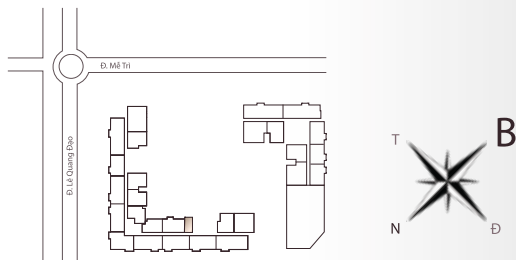
Studio Apartment Layout

08



Diện tích thông thủy | 34,1 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 41 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 2PN

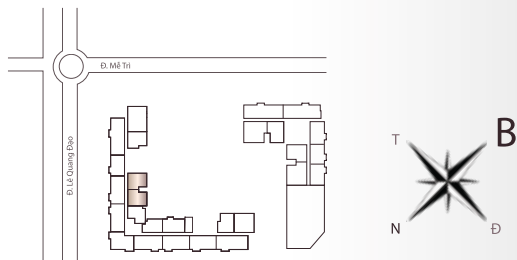
2BR Apartment Layout

03, 05A



Diện tích thông thủy | 83,4 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 93 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 2PN

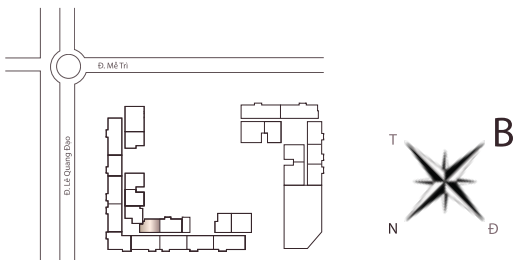
2BR Apartment Layout

06



Diện tích thông thủy | 79,5 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 89 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 2PN

2BR Apartment Layout

02, 09



Diện tích thông thủy | 82,1 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 93 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 2PN

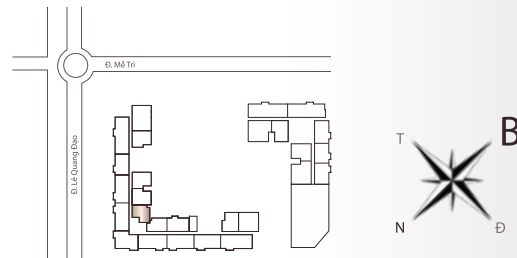
2BR Apartment Layout

05



Diện tích thông thủy | 75,5 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 86 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 2PN

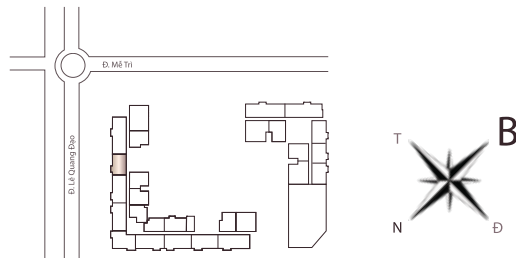
2BR Apartment Layout

18



Diện tích thông thủy | 87,9 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 95,3 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 2PN
2BR Apartment Layout

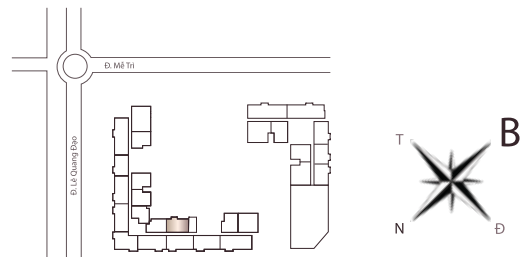
08A



*Thiết kế layout và các thông số bản vẽ trong tài liệu này là tương đối, thông số chính thức của từng căn hộ sẽ được quy định tại văn bản cam kết giữa Bên bán và Bên mua.
Layout & the specifications in this document are approximate. Please refer to unit contract plan attached with SPA (Sales & Purchase Agreement).

Diện tích thông thủy | 80,5 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 89 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

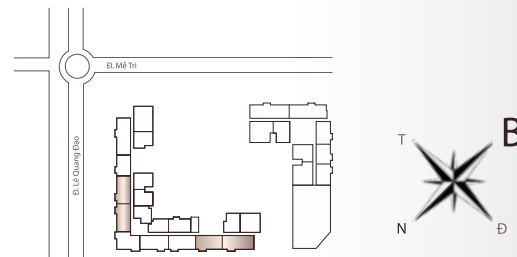
MẶT BẰNG CĂN HỘ 3PN
3BR Apartment Layout

11, 12, 16, 17



Diện tích thông thủy | 121,1 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 132 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

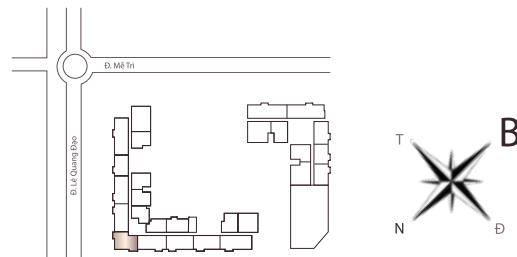
MẶT BẰNG CĂN HỘ 3PN
3BR Apartment Layout

15



Diện tích thông thủy | 113,9 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 126 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

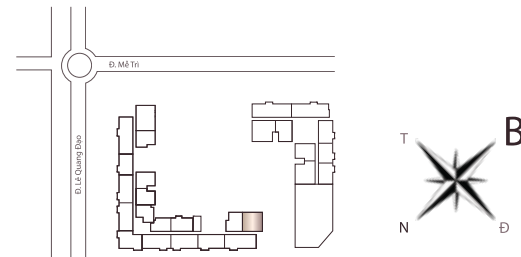
MẶT BẰNG CĂN HỘ 3PN
3BR Apartment Layout

10



Diện tích thông thủy | 106,1 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 120 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

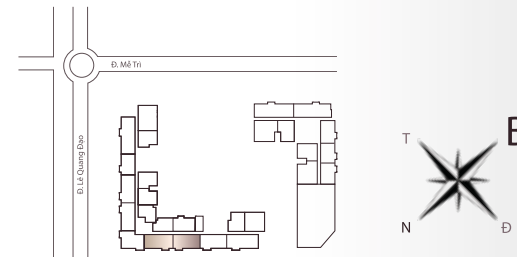
MẶT BẰNG CĂN HỘ 3PN
3BR Apartment Layout

12A, 12B



Diện tích thông thủy | 116 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 126 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

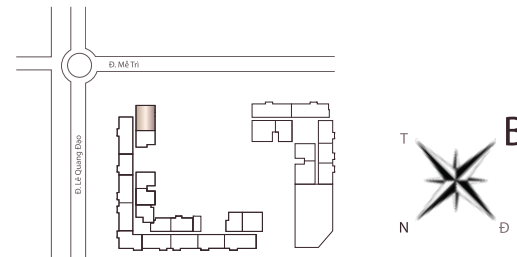
MẶT BẰNG CĂN HỘ 4PN
4BR Apartment Layout

01



Diện tích thông thủy | 137,1 m²
Carpet area

Diện tích tim tường | 153 m²
Built-up area



GARDEN APARTMENT

MẶT BẰNG CĂN HỘ 4PN

4BR Apartment Layout

19

*Thiết kế layout và các thông số bản vẽ trong tài liệu này là tương đối, thông số chính thức của từng căn hộ sẽ được quy định tại văn bản cam kết giữa Bên bán và Bên mua.

Layout & the specifications in this document are approximate. Please refer to unit contract plan attached with SPA (Sales & Purchase Agreement).

Diện tích thông thủy

Carpet area

|

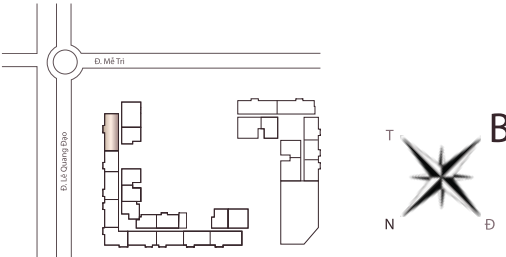
149,6 m²

Diện tích tim tường

Built-up area

|

165 m²



DANH MỤC VẬT LIỆU BÀN GIAO

HANDOVER MATERIAL SPECIFICATIONS

CĂN HỘ TIÊU CHUẨN | STANDARD APARTMENT

STT NO.	KHOẢN MỤC ITEM	VẬT LIỆU MATERIAL	MÔ TẢ DESCRIPTION	GHI CHÚ REMARKS
I. SÀN / FLOORING				
1	Phòng khách, phòng ăn, phòng ngủ <i>Living room, dining room, bedroom</i>	Gỗ công nghiệp <i>Engineered wood</i>	- Sàn dày 12mm, cốt lõi xanh chịu nước - Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Len gỗ chân tường (vị trí theo thiết kế); - 12mm thick water-resistant green core plank - Dimensions and colour as per design - Skirting boards (location as per design)	Xuất xứ / <i>Origin:</i> Việt Nam Hansol / Janmi / Bison / NewSky / Dongwha hoặc tương đương / <i>or equivalent.</i>
2	Phòng vệ sinh Master <i>Master bathroom</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Gạch Porcelain chống trơn cao cấp <i>High-grade anti-slip porcelain tiles</i>
3	Phòng vệ sinh chung <i>Shared bathroom</i>	Gạch Porcelain chống trơn <i>Anti-slip porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Gạch Porcelain chống trơn cao cấp <i>High-grade anti-slip porcelain tiles</i>
4	Bếp, tiền phòng <i>Kitchen, foyer</i>	Gỗ công nghiệp <i>Engineered wood</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Len gỗ chân tường (vị trí theo thiết kế); - Dimensions and colour as per design; - Skirting boards (location as per design)	Xuất xứ / <i>Origin:</i> Việt Nam Hansol / Janmi / Bison / NewSky / Dongwha hoặc tương đương / <i>or equivalent.</i>
5	Logia <i>Loggia</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Len gỗ chân tường (vị trí theo thiết kế); - Dimensions and colour as per design; - Skirting boards (location as per design)	Gạch Porcelain chống trơn cao cấp <i>High-grade anti-slip porcelain tiles</i>
6	Logia giặt phơi <i>Laundry loggia</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Len gỗ chân tường (vị trí theo thiết kế); - Dimensions and colour as per design; - Skirting boards (location as per design)	Gạch Porcelain chống trơn cao cấp <i>High-grade anti-slip porcelain tiles</i>
7	Phòng kho (tùy theo thiết kế căn hộ) <i>Storage room (as per the apartment design)</i>	Gạch Porcelain <i>Porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Len gỗ chân tường (vị trí theo thiết kế); - Dimensions and colour as per design; - Skirting boards (location as per design)	Gạch Porcelain cao cấp <i>High-grade porcelain tiles</i>
II. TƯỜNG / WALLS				
1	Phòng khách, phòng ăn, bếp, phòng ngủ, lối đi <i>Living room, dining room, kitchen, bedroom, hallway</i>	Sơn nước hoàn thiện <i>Finished water-based</i>	- Sơn có bả; <i>Painted with skim coat</i> - Màu sắc theo thiết kế; <i>Colour as per design</i>	Sơn / <i>Paint brand:</i> Jotun / Nippon / Dulux / Valspar hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
2	Logia <i>Loggia</i>	Sơn nước hoàn thiện <i>Finished water-based</i>	- Sơn không bả; <i>Painted without skim coat</i> - Màu sắc theo thiết kế; <i>Colour as per design</i>	Sơn / <i>Paint brand:</i> Jotun / Nippon / Dulux / Valspar hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
3	Phòng vệ sinh Master <i>Master bathroom walls</i>	Gạch Porcelain chống trơn <i>Anti-slip porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Gạch Porcelain cao cấp <i>High-grade porcelain</i>
4	Phòng vệ sinh chung <i>Shared bathroom walls</i>	Gạch Porcelain chống trơn <i>Anti-slip porcelain tiles</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Gạch Porcelain cao cấp <i>High-grade porcelain</i>
III. TRẦN / CEILING				
1	Phòng khách, phòng ăn, bếp, phòng ngủ, tiền phòng, lối đi <i>Living room, dining room, kitchen, bedroom, hallway</i>	Trần thạch cao, sơn nước <i>Gypsum ceiling with water-based paint</i>	- Trần thạch cao không chịu ẩm, khung xương chìm; <i>Non-moisture resistant gypsum ceiling with recessed frame</i> - Sơn có bả; <i>Painted with skim coat</i> - Màu sắc theo thiết kế; <i>Colour as per design</i>	- Khung xương / <i>Frame:</i> Vĩnh Tường / Zinca hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i> - Tấm trần / <i>Gypsum board:</i> Gyproc / Zinca/ Boral hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i> - Sơn / <i>Paint:</i> Jotun/ Dulux/Valspar hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
2	Logia <i>Loggia</i>	Trần BTCT skimcoat, sơn nước hoàn thiện / Concrete ceiling with skimcoat and paint	- Sơn không bả; <i>Painted without skim coat</i> - Màu sắc theo thiết kế; <i>Colour as per design</i>	Sơn / <i>Paint:</i> Jotun / Nippon / Dulux / Valspar hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
3	Phòng vệ sinh <i>Bathroom ceiling</i>	Sơn nước hoàn thiện <i>Gypsum ceiling with water-based</i>	- Trần thạch cao không chịu ẩm, khung xương chìm; <i>Non-moisture resistant gypsum ceiling with recessed</i> - Sơn có bả; <i>Painted with skim coat</i> - Màu sắc theo thiết kế; <i>Colour as per design</i>	- Khung xương / <i>Frame:</i> Vĩnh Tường / Zinca hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i> - Tấm trần / <i>Gypsum board:</i> Gyproc / Zinca/ Boral hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i> - Sơn / <i>Paint:</i> Jotun/ Dulux/Valspar hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
IV. CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ (THEO THIẾT KẾ CỦA CĐT) / DOORS AND WINDOWS (AS PER DEVELOPER'S DESIGN)				
1	Cửa sổ phòng ngủ <i>Bedroom windows</i>	Khung nhôm sơn tĩnh điện, kính / Powder-coated aluminum frame, glass	- Khung nhôm, kính hộp double low-e, cách âm, cách nhiệt; - Cấu tạo, quy cách, màu sắc theo thiết kế. - Aluminum frame with insulated double Low-E glass, Soundproof and heat-insulated - Structure, specifications, and colour as per design	- Hệ nhôm biên dạng Xingfa hoặc tương đương / <i>Aluminum profile: Xingfa system or equivalent;</i> - Phụ kiện / <i>Accessories:</i> Draho/ Kinlong/ Giesse hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
2	Cửa đi logia phụ <i>Secondary loggia door</i>	Khung nhôm sơn tĩnh điện, kính / Powder-coated aluminum frame, glass	- Khung nhôm, kính dán an toàn; - Cấu tạo, quy cách, màu sắc theo thiết kế. - Alumium frame,safety laminated glass - Structure, specifications, and colour as per design	- Hệ nhôm biên dạng Xingfa hoặc tương đương / <i>Aluminum profile: Xingfa system or equivalent;</i> - Phụ kiện / <i>Accessories:</i> Draho/ Kinlong/ Giesse hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>

DANH MỤC VẬT LIỆU BÀN GIAO

HANDOVER MATERIAL SPECIFICATIONS

CĂN HỘ TIÊU CHUẨN | STANDARD APARTMENT

STT NO.	KHOẢN MỤC ITEM	VẬT LIỆU MATERIAL	MÔ TẢ DESCRIPTION	GHI CHÚ REMARKS
IV. CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ (THEO THIẾT KẾ CỦA CĐT) / DOORS AND WINDOWS (AS PER DEVELOPER'S DESIGN)				
3	Cửa đi logia chính <i>Main loggia door</i>	Khung nhôm sơn tĩnh điện, kính / Powder-coated aluminum frame, glass	- Khung nhôm, kính hộp double low-e, cách âm, cách nhiệt; / <i>Aluminum frame with insulated double Low-E glass, Soundproof and heat-insulated</i> - Cấu tạo, quy cách, màu sắc theo thiết kế. / <i>Structure, specifications, and colour as per design</i>	- Hệ nhôm biên dạng Xingfa hoặc tương đương / <i>Aluminum profile: Xingfa system or equivalent ;</i> - Phụ kiện / <i>Accessories:</i> Draho/ Kinlong/ Giesse hoặc tương đương / <i>or equivalent;</i>
4	Cửa đi chính <i>Main entrance door</i>	Cửa gỗ công nghiệp chống cháy <i>Fire-rated engineered wood</i>		Gỗ công nghiệp chống cháy, khoá điện tử thông minh loại push pull / <i>Fire-rated engineered wood, Smart electronic push-pull lock</i> Phụ kiện (trừ khoá) / <i>Accessories (excluding lock):</i> Yale / Lawrence / Hafele hoặc tương đương / <i>or equivalent.</i>
5	Khóa cửa chính <i>Main door lock</i>	Khóa từ kĩ thuật số <i>Digital smart lock</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	- Khoá điện tử thông minh loại push pull / <i>Smart electronic push-pull lock</i> - Nhà sản xuất / <i>production:</i> Yale / Igloohome/ Loghome (Evernet) hoặc tương đương / <i>or equivalent</i>
6	Cửa phòng vệ sinh, cửa kho <i>Bathroom and storage room doors</i>		- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Cửa gỗ công nghiệp kích thước màu sắc theo thiết kế - sản xuất trong nước / <i>Fire-rated engineered wood door with domestic production</i> Phụ kiện / <i>Accessories:</i> Yale / Lawrence / Hafele / Imundex / Kingku / Kinlong hoặc tương đương / <i>or</i>
7	Lan can logia <i>Loggia railing</i>	Lan can kính <i>Glass railing</i>	- Lan can kính; <i>Tempered glass railing</i> - Phụ kiện: Inox; <i>Stainless steel fittings</i> - Kích thước, màu sắc theo thiết kế; <i>Dimensions and colour as per design</i>	
8				
	Louver (vị trí che cục nóng điều hòa) <i>(covering outdoor AC unit)</i>	Nhôm sơn tĩnh điện <i>Powder-coated aluminum</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; <i>Dimensions and colour as per design</i>	
V. TỦ BẾP THIẾT BỊ BẾP / KITCHEN CABINETRY AND APPLIANCES				
1	Tủ bếp <i>Kitchen cabinets</i>	Gỗ công nghiệp <i>Engineered wood</i>	- Cánh tủ trên: MDF chịu ẩm, mặt trong phủ melamine, mặt ngoài phủ laminate; - Upper cabinet doors: Moisture-resistant MDF, melamine inner surface, laminate outer finish - Cánh tủ dưới: MDF chịu ẩm, mặt trong phủ melamine, mặt ngoài phủ laminate; - Lower cabinet doors: Same as upper - Thùng tủ: gỗ MDF phủ laminate; - Cabinet carcass: MDF with laminate finish - Hậu tủ: gỗ MDF; - Cabinet back panel: MDF	- Gỗ công nghiệp thương hiệu An Cường / Minh Long hoặc tương đương / <i>Engineered wood brand: An Cuong / Minh Long or equivalent</i> - Phụ kiện / <i>Accessories:</i> Hafele / Blum / Hettich hoặc tương đương / <i>or equivalent ;</i>
2	Mặt bàn bếp <i>Kitchen countertop</i>	Đá nhân tạo <i>Artificial stone</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Đá nhân tạo dòng cao cấp <i>Premium-grade artificial stone</i>
3	Mặt tường giữa tủ bếp trên và dưới <i>Backsplash (between upper and lower cabinets)</i>	Đá nhân tạo <i>Artificial stone</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; - Dimensions and colour as per design	Đá nhân tạo dòng cao cấp <i>Premium-grade artificial stone</i>
4	Bếp <i>Cooktop</i>		- Bếp điện từ; <i>Electric induction cooktop</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	Bosch / Teka / Brandt hoặc tương đương / <i>or equivalent</i>
5	Thiết bị lọc nước cục bộ (lọc tinh) <i>Point-of-use water filtration system</i>		- Lọc nước cho 01 vòi trong phạm vi bếp; - Water filtration for one tap within the kitchen area	A. O. Smith hoặc tương đương; / <i>or equivalent</i>
6	Chậu rửa <i>Kitchen faucet and sink</i>		- Chậu rửa, Inox; <i>Stainless steel</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	Moen / Kohler / Hafele / Teka hoặc tương đương / <i>or equivalent</i>
7	Vòi chậu rửa <i>Sink faucet</i>		- Vòi nóng lạnh, Inox; <i>Hot and cold stainless steel faucet</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	Moen / Kohler / Hafele / Teka hoặc tương đương / <i>or equivalent</i>
8	Máy hút mùi <i>Range hood</i>		- Hút mùi âm tủ; <i>Built-in pull-out range hood</i> - Máy hút mùi kiểu truyền thống dạng Pull-out, điều khiển cơ; <i>Traditional pull-out design with mechanical controls</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	Moen / Kohler / Hafele / Teka hoặc tương đương / <i>or equivalent</i>
VI. THIẾT BỊ VỆ SINH / SANITARY EQUIPMENT				
VI.I. Phòng vệ sinh master (riêng cho phòng ngủ) / Master Bathroom (ensuite)				
1	Chậu rửa (lavabo) <i>Washbasin (lavabo)</i>		- Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương / <i>or equivalent</i>
2	Vòi chậu rửa <i>Basin faucet</i>		- Vòi nóng lạnh cao cấp; <i>Premium hot and cold</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương / <i>or equivalent.</i>

DANH MỤC VẬT LIỆU BÀN GIAO

HANDOVER MATERIAL SPECIFICATIONS

CĂN HỘ TIÊU CHUẨN | STANDARD APARTMENT

STT NO.	KHOẢN MỤC ITEM	VẬT LIỆU MATERIAL	MÔ TẢ DESCRIPTION	GHI CHÚ REMARKS
VI.1. Phòng vệ sinh master (riêng cho phòng ngủ) / Master Bathroom (ensuite)				
3	Mặt bàn lavabo <i>Lavabo countertop</i>	Đá nhân tạo <i>Artificial stone</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; <i>- Dimensions and colour as per design</i>	Đá nhân tạo cao cấp. Kích thước, màu sắc theo thiết kế/ <i>Premium artificial stone. Dimensions and colour as per design.</i>
4	Sen tắm/vòi <i>Shower set / faucet</i>		- Sen, vòi nóng lạnh; <i>Hot and cold shower and faucet</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương/ <i>or equivalent.</i>
5	Tủ lavabo <i>Lavabo cabinet</i>	Gỗ công nghiệp <i>Engineered wood</i>	- Thùng tủ: gỗ MDF chịu ẩm, phủ laminate; <i>Cabinet body: Moisture-resistant MDF with laminate finish</i> - Cánh tủ: gỗ MDF chịu ẩm, phủ laminate; <i>Cabinet doors: Moisture-resistant MDF with laminate finish</i> - Hậu tủ: gỗ MDF chịu ẩm; <i>Back panel: Moisture-resistant MDF</i> - Kích thước, màu sắc theo thiết kế; <i>- Dimensions and colour as per design</i>	
6	Gương <i>Mirror cabinet</i>		- Hệ tủ gương, kèm đèn led theo tiêu chuẩn <i>- Mirror cabinet system with integrated LED lighting</i> - Kích thước, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Dimensions and design as specified</i>	
7	Bồn cầu <i>Toilet</i>		- Bồn cầu điện tử liền khối <i>One-piece electronic toilet</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
8	Vách tắm đứng <i>Shower partition</i>		- Vách tắm kính cường lực. <i>Tempered glass shower wall</i>	- Kính Hải Long/ Hồng Phúc hoặc tương đương <i>/ or equivalent;</i> - Phụ kiện: VVP/ Hafele/ Hiwin hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
9	Bồn tắm (nếu có) <i>Bathtub (if applicable)</i>		- Bồn tắm nằm <i>Built-in bathtub</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Colour and design as per specifications</i>	Kaldewei / Toto hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
10	Sen / vòi bồn tắm (nếu có) <i>Bathtub faucet (if applicable)</i>		- Vòi nóng lạnh; <i>Hot and cold faucet</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
11	Các phụ kiện khác <i>Other accessories</i>	Móc treo áo, lỗ giấy, thanh treo khăn tắm, phễu thu sàn <i>Clothes hook, toilet paper holder, towel bar, floor drain funnel</i>	- Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
12	Quạt hút gió trần <i>Ceiling exhaust fan</i>			Quạt hút mùi âm trần thương hiệu Mitsubishi / Panasonic / Kruger hoặc tương đương/ <i>Ceiling-mounted exhaust fan: Kruger or equivalent.</i>
VI.2. Phòng vệ sinh chung / Shared Bathroom				
1	Chậu rửa (lavabo) <i>Washbasin (lavabo)</i>		- Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
2	Vòi chậu rửa <i>Basin faucet</i>		- Vòi nóng lạnh; <i>Hot and cold faucet</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>- Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
3	Mặt bàn lavabo <i>Lavabo countertop</i>	Đá nhân tạo <i>Artificial stone</i>	- Kích thước, màu sắc theo thiết kế; <i>- Dimensions and colour as per design</i>	Đá nhân tạo cao cấp. Kích thước, màu sắc theo thiết kế/ <i>Premium artificial stone, dimensions and colour as.</i>
4	Sen tắm/vòi <i>Shower set / faucet</i>		- Sen, vòi nóng lạnh; <i>Hot and cold shower and faucet</i> - Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
5	Tủ lavabo <i>Lavabo cabinet</i>	Gỗ công nghiệp <i>Engineered wood</i>	- Thùng tủ: gỗ MDF chịu ẩm, phủ laminate; <i>Cabinet body: Moisture-resistant MDF with laminate finish</i> - Cánh tủ: gỗ MDF chịu ẩm, phủ laminate <i>Cabinet doors: Moisture-resistant MDF with laminate finish</i> - Hậu tủ: gỗ MDF chịu ẩm; <i>Back panel: Moisture-resistant MDF</i> - Kích thước, màu sắc theo thiết kế; <i>- Dimensions and colour as per design</i>	
6	Gương <i>Mirror cabinet</i>		- Hệ tủ gương, kèm đèn led theo tiêu chuẩn <i>Mirror cabinet system with integrated LED lighting</i> - Kích thước, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Dimensions and design as specified</i>	
7	Bồn cầu <i>Toilet</i>		- Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	Bồn cầu nắp đóng êm <i>/Soft-close seat cover; Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương / or equivalent.</i>

DANH MỤC VẬT LIỆU BÀN GIAO

HANDOVER MATERIAL SPECIFICATIONS

CĂN HỘ TIÊU CHUẨN | STANDARD APARTMENT

STT NO.	KHOẢN MỤC ITEM	VẬT LIỆU MATERIAL	MÔ TẢ DESCRIPTION	GHI CHÚ REMARKS
VI.2. Phòng vệ sinh chung / Shared Bathroom				
8	Dây xịt nước <i>Hand spray</i>		- Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	
9	Vách tắm đứng <i>Shower partition</i>		- Vách tắm kính cường lực. <i>Tempered glass shower wall</i>	- Kính Hải Long/ Hồng Phúc hoặc tương đương <i>/ or equivalent;</i> - Phụ kiện <i>/ Accessories: VVP/ Hafele/ Hiwin hoặc tương đương/ or equivalent;</i>
10	Các phụ kiện khác <i>Other accessories</i>	Móc treo áo, lỗ giấy, thanh treo khăn tắm, phễu thu sàn <i>Clothes hook, toilet paper holder, towel bar, floor drain</i>	- Màu sắc, kiểu dáng theo thiết kế; <i>Colour and design as per specifications</i>	- Toto / Hansgrohe / Grohe / Axent / Duravit / Kohler hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
11	Quạt hút gió trần <i>Ceiling exhaust fan</i>			Quạt hút mùi âm trần/ <i>Ceiling-mounted exhaust fan: thương hiệu Kruger hoặc tương đương/ or equivalent.</i>
VII. THIẾT BỊ ĐIỆN / ELECTRICAL EQUIPMENT				
1	Đèn trần phòng khách, phòng ngủ, bếp WC, kho, phòng giặt <i>Ceiling lights in living room, bedrooms, kitchen, bathrooms, storage, laundry</i>	Đèn Downlight âm trần <i>Recessed downlights</i>	- Đèn Led kiểu dáng màu sắc theo thiết kế; <i>LED lights with design and colour as per specifications</i>	- Philips/ Osram/ NVC hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
2	Đèn trần lô gia <i>Ceiling lights in loggia</i>	Bóng Led <i>LED bulb</i>	- Đèn Led kiểu dáng màu sắc theo thiết kế; <i>LED lights with design and colour as per specifications</i>	- Philips/ Osram/ NVC hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
3	Đèn hắt sáng (khe trần, tủ lavabo) <i>Indirect strip lighting (ceiling cove, vanity cabinet)</i>	Tùy theo thiết kế <i>As per design</i>	- Led dây; <i>Wire led</i>	
4	Ổ cắm điện thoại, internet <i>Telephone and internet sockets</i>		- Kiểu dáng hiện đại; <i>Modern design</i>	- Schneider / Legrand / Honeywell hoặc tương đương. <i>/ or equivalent.</i>
5	Ổ cắm, công tắc điện... <i>Electrical sockets and switches</i>		- Kiểu dáng hiện đại; <i>Modern design</i>	- Schneider / Legrand / Honeywell hoặc tương đương. <i>/ or equivalent.</i>
6	Dây điện <i>Electrical wiring</i>		- Dây luồn trong ống bảo vệ; <i>Wires run inside protective conduits</i>	- LS / Taisin / Cadivi hoặc tương đương. <i>/ or equivalent.</i>
7	Hệ thống đường ống nước <i>Plumbing system</i>		- Ống cấp nước, thoát nước; <i>Water supply and drainage piping system</i>	- Tiền Phong/ Bình Minh/ Đệ Nhất hoặc tương đương <i>/ or equivalent.</i>
8	Hệ thống điều hòa nhiệt độ <i>Air conditioning system</i>		- Điều hoà Multi/ dàn lạnh âm trần nối ống gió; <i>Multi-split system with concealed ducted indoor units</i>	- Daikin / Panasonic / Mitsubishi hoặc tương đương. <i>/ or equivalent.</i>
9	Hệ thống chuông cửa có hình (Door phone) <i>Video door phone system</i>			- Aiphone / Fermax / Comelit hoặc tương đương. <i>/ or equivalent.</i>
10	Bình nóng lạnh <i>Water heater</i>			- Ariston / Ferroli hoặc tương đương. <i>/ or equivalent.</i>
11	Hệ thống PCCC bên trong căn hộ <i>In-apartment fire protection system</i>			Các đầu cảm biến trong căn hộ phù hợp với thiết kế / tiêu chuẩn hệ thống PCCC/ <i>Fire detectors and sensors installed in accordance with the apartment's design and fire safety standards</i>
VIII. SMART HOME				
1	Điều khiển chiếu sáng <i>Lighting control system</i>			- T&D/SWE/ Schneider/ ABB/ Lergand hoặc tương đương; <i>/ or equivalent.</i>
IX. TIỆN ÍCH THUỘC HỆ THỐNG CHUNG CỦA TOÀ NHÀ / BUILDING-WIDE UTILITY SYSTEMS				
1	Thiết bị lọc nước trung tâm cho tòa nhà (lọc thô) <i>Central water filtration</i>		- Lọc nước thô (lọc lại nước cấp từ nhà máy nước) <i>Pre-treatment filtration system for municipal water supply</i>	- Lọc nước thô cho bể nước chính đặt tại tầng hầm; <i>/ Filtration of raw water for the main water tank installed in the basement</i>
2	Hệ thống điện dự phòng <i>Backup power supply system</i>			- Cấp lộ điện dự phòng cho 1 lộ đèn và 1 ổ cắm phòng khách công suất ~800W <i>/ Backup power supply for 1 lighting circuit and 1 living room outlet, power ~ 800 W</i>
3	Loa trong căn hộ <i>In-unit speaker system</i>			- Có thiết kế loa thông báo khẩn trong phòng khách căn hộ theo hồ sơ PCCC <i>/ Emergency speaker installed in the living room following the fire protection dossier</i>
4	Thiết bị lọc khí & bụi mịn <i>Air and fine dust filtration system</i>		- Lọc khí, bụi mịn, cấp khí tươi toàn bộ căn hộ <i>- Fine dust and air filtration with fresh air supply for the entire apartment</i>	

Thứ tự liệt kê các hãng cung cấp / vật liệu không được hiểu là thứ tự ưu tiên để lựa chọn/lắp đặt.
Danh mục vật liệu bàn giao có thể được thay đổi hoặc điều chỉnh (bao gồm loại hình, quy cách và thương hiệu), với cam kết sử dụng các lựa chọn tương đương về chất lượng. Thông tin chính thức sẽ được quy định tại văn bản cam kết giữa Bên bán và Bên mua.

The handover material specifications may be subject to change or adjustment (including type, specifications, and brands), with a commitment to using alternatives of equivalent quality. Official information shall be defined in the legally binding agreement between the Seller and the Buyer.



THE MATRIX ONE
PREMIUM

Sống
THƯỢNG LƯU
XỨNG TẦM QUỐC TẾ

A world-class elevated lifestyle

Sống
KIÊU HÃNH
& ĐẦY KHÍ CHẤT

A life of pride and character

Sống tại
THE MATRIX ONE
PREMIUM

Life at The Matrix One Premium

A Landmark Project by

MIK
GROUP

Đại lý phân phối / Distribution agents



<https://premium.thematrixone.vn/>

Các thông số bản vẽ trong tài liệu này là tương đối, thông số chính thức của từng căn hộ sẽ được quy định tại văn bản cam kết giữa Bên bán và Bên mua. Hình ảnh và thông tin trong tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và có thể thay đổi mà không cần báo trước.

The drawing specifications in this document are approximate and for reference purposes only. The official specifications of each apartment shall be stipulated in the agreement executed between the Seller and the Buyer. All images and information contained herein are for illustrative purposes only and are subject to change without prior notice.